



BẢN TIN SỐ VỀ PHÁP LUẬT

QUÝ

II

2023

MỤC LỤC

1. Góc trao đổi.....	3
1.1. Di chúc và điều kiện để di chúc hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành	
1.2. Nghiên cứu một số tranh chấp liên quan tới ngoại lệ chung theo Điều XX của GATT trong khuôn khổ WTO	
2. Văn bản có hiệu lực trong Quý II/2023.....	3
3. Văn bản được ban hành trong Quý II/2023.....	11
4. Bản án nổi bật của Tòa án nhân dân cấp cao (10/3/2023-12/6/2023).....	25



TS. Hoàng Thị Loan
Phó Trưởng bộ môn Luật Dân sự
Khoa Pháp luật Dân sự



ThS. Tào Thị Huệ
Giảng viên Khoa Pháp luật Thương mại quốc tế

1. Góc trao đổi

1.1. Di chúc và điều kiện để di chúc hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành - Quan điểm của TS. Hoàng Thị Loan, Phó Trưởng bộ môn Luật Dân sự, khoa Khoa Pháp luật Dân sự.

Xem Video trực tiếp tại:

https://youtu.be/kHDBm_fxua4

1.2. Nghiên cứu một số tranh chấp liên quan tới ngoại lệ chung theo Điều XX của GATT trong khuôn khổ WTO - Quan điểm của ThS. Tào Thị Huệ - Giảng viên khoa Pháp luật Thương mại quốc tế.

Xem Video trực tiếp tại:

<https://youtu.be/dGNshA2O2gY>

2. Văn bản pháp luật có hiệu lực trong Quý II/2023

(Nguồn: vnexpress.net; baochinhphu.vn)



2.1. Luật Hành chính

2.1.1. Hướng dẫn về việc bổ nhiệm, xếp lương viên chức tuyên truyền văn hóa

Được áp dụng từ ngày 10/4/2023, quy định cụ thể mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và các cách xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa.

Thông tư mới quy định 03 chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa bao gồm

- Tuyên truyền viên văn hóa chính (Mã số: V.10.10.34).
- Tuyên truyền viên văn hóa (Mã số: V.10.10.35).
- Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp (Mã số: V.10.10.36).



Tương ứng với từng chức danh nghề nghiệp, viên chức tuyên truyền viên văn hóa được xếp lương như sau:

- Tuyên truyền viên văn hóa chính được áp dụng hệ số lương 4,00 đến 6,38.
- Tuyên truyền viên văn hóa được áp dụng hệ số lương 2,34 đến 4,98.
- Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp được áp dụng hệ số lương 1,86 đến 4,06.

2.1.2. Thay đổi về điều kiện xét thăng hạng viên chức nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh

Thông tư 03/2023/TT-BVHTTDL quy định về tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, nghệ thuật

biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật cũng được đưa vào áp dụng.

Theo đó, từ ngày 15/5/2023, điều kiện xét thăng hạng viên chức ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật sẽ có một số điều chỉnh.

Cụ thể, viên chức các chuyên ngành trên sẽ được dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề nếu đáp có thêm một trong các danh hiệu về văn học nghệ thuật sau đây:

- Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.
- Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.
- Được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”.
- Được tặng “Giải thưởng Nhà nước”.

Viên chức được sử dụng một lần danh hiệu hoặc giải thưởng để dự xét thăng hạng lên chức danh cao hơn liền kề.

Trước đó, **Thông tư 10/2019/TT-BVHTTDL** quy định về điều kiện xét thăng hạng bao gồm:

- Đang giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng thấp hơn liền kề chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự thi; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có

thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

- Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phù hợp.

2.1.3. Thu hồi sim không chuẩn hoá thông tin từ 15/5/2023

Trước yêu cầu của Cục Viễn thông về việc chuẩn hóa sim với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các nhà mạng đã rà soát thông tin và thực hiện thông báo đến từng số thuê bao để nhắc nhở người dân cập nhật thông tin chính xác.

Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều thuê bao chưa chịu chuẩn hóa thông tin cá nhân. Ngày 15/4/2023, các nhà mạng đã thực hiện khóa liên lạc hai chiều đối với khoảng 1,2 triệu thuê bao.

Nếu tiếp tục không chuẩn hóa thông tin để trùng khớp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì từ ngày 15/5/2023, các thuê bao có thông tin không trùng khớp đã bị khóa 2 chiều sẽ bị thu hồi về kho số của nhà mạng.

Để không bị tịch thu sim, người dân có số thuê bao chưa chuẩn hóa thu xếp công việc để sớm đến các điểm giao dịch của các nhà mạng để thực hiện bổ sung, cập nhật thông tin trước ngày 15/5.

2.1.4. Áp dụng mã QR trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính

Để việc thực hiện số hóa hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được nhanh chóng và thuận lợi, Văn phòng Chính phủ đã ban hành **Thông tư 01/2023/TT-VPCP**, trong đó, hướng dẫn việc áp dụng mã QR trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính từ ngày 25/5/2023 như sau:

- Việc áp dụng cung cấp mã QR phải bảo đảm theo tiêu chuẩn Việt Nam **TCVN 7322:2009 (ISO/IEC 18004:2006)**.

- Mã QR được in ở góc trên bên trái của các giấy tờ được xuất bản từ dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phải cung cấp các dữ liệu tối thiểu sau:

- Mã số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.
- Mã thủ tục hành chính.
- Mã định danh của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.
- Tên giấy tờ được xuất bản.
- Tên hệ thống thông tin cung cấp dữ liệu.
- Thời điểm xuất bản.
- Mã QR trên Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả phải cung cấp thêm ngày hẹn trả kết quả.
- Mã QR trên Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải cung cấp thêm

dữ liệu về thời hạn, phạm vi có hiệu lực (nếu có).

2.1.5. Ba trường hợp không bị tính tiền chậm nộp phạt giao thông

Hiện nay, nếu quá thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 68 và khoản 1 Điều 73 **Luật Xử lý vi phạm hành chính** mà cá nhân, tổ chức chưa nộp tiền phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và phải nộp thêm tiền chậm nộp bằng 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Tuy nhiên, **Thông tư 18/2023/TT-BTC** (có hiệu lực từ ngày 05/5/2023) đã miễn việc tính tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính cho 03 trường hợp chậm nộp sau:



- Trong thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
- Trong thời gian xem xét, quyết định giảm, miễn phần còn lại.
- Trong thời gian cho phép nộp tiền phạt nhiều lần.

2.1.6. Thời gian tính hao mòn với máy photocopy, camera giám sát là 5 năm

Có hiệu lực từ ngày 10/6/2023, **Thông tư 23/2023/TT-BTC** ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trong đó, thời gian tính hao mòn với máy photocopy là 5 năm thay vì là 8 năm như quy định hiện hành.

Tỷ lệ hao mòn với máy photocopy là 20%/năm thay vì 12,5%/năm như quy định hiện nay.

Còn với camera giám sát, thời gian tính hao mòn cũng là 5 năm (quy định cũ 8 năm); tỷ lệ hao mòn là 20%/năm (quy định cũ 12,5%/năm).

2.1.7. Điều kiện được cấp chứng chỉ chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Có hiệu lực từ ngày từ ngày 15/6/2023, **Thông tư 03/2023/TT-BNV** của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và **Nghị định số 89/2021/NĐ-CP** sửa đổi, bổ sung một số điều của **Nghị định số 101/2017/NĐ-CP**.

Thông tư nêu rõ điều kiện để được cấp chứng chỉ chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó,

chứng chỉ chương trình bồi dưỡng được cấp cho học viên có đủ các điều kiện sau:

1- Tham gia học tập đầy đủ theo quy định của chương trình bồi dưỡng.

2- Có đủ các bài kiểm tra, viết thu hoạch, tiểu luận, đề án theo quy định của chương trình bồi dưỡng; các bài kiểm tra, viết thu hoạch, tiểu luận, đề án phải đạt từ 50% số điểm trở lên theo thang điểm quy định của chương trình.

3- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; quy chế, nội quy học tập của Học viện Hành chính Quốc gia; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; cơ sở đào tạo, nghiên cứu.



Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng được cấp 1 lần cho học viên hoàn thành khóa học, trong ngày bế giảng khóa học.

2.1.8. Bãi bỏ hướng dẫn xét nâng ngạch không qua thi với cán bộ đã có thông báo nghỉ hưu

Từ ngày 15/6/2023, **Thông tư 04/2023/TT-BNV** bãi bỏ **Thông tư số 03/2008/TT-BNV** ngày 03/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch không

qua thi đấu với cán bộ, công chức viên chức đã có thông báo nghỉ hưu.

2.1.9. 100% kết quả của các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cung cấp đồng thời cả bản điện tử

Theo Quyết định số 13/QĐ-BCĐCCHC của Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, từ 1/6/2023, thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi tiếp nhận của Bộ phận Một cửa cấp xã (trừ các xã vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo); 100% kết quả của các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cung cấp đồng thời cả bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.

2.2. Luật Kinh tế

2.2.1. Hướng dẫn mới về việc điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng

Đầu tháng 3, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 02/2023/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng, áp dụng từ ngày 20/4/2023.

Theo Thông tư mới, việc điều chỉnh đơn giá và giá hợp đồng xây dựng được quy định như sau:

- Việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được

sửa bởi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP:

- Việc điều chỉnh đơn giá chỉ áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh và hợp đồng theo thời gian khi có thỏa thuận.



HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

- Khối lượng công việc thực tế tăng hoặc giảm lớn hơn 20% trong hợp đồng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và trên 1% đơn giá của công việc đó hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng: Xác định đơn giá mới theo nguyên tắc đã thỏa thuận.

- Khối lượng công việc thực tế tăng lớn hơn 20% trong hợp đồng: Đơn giá mới chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế thực hiện vượt quá

- Khối lượng thực tế thực hiện tăng hoặc giảm nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc trong hợp đồng: Áp dụng đơn giá trong hợp đồng

- Khi điều chỉnh giá hợp đồng dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thì phải ký kết phụ lục hợp đồng.

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

Có hiệu lực từ ngày 20/6/2023, Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Nghị định số 18/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều kiện đối với tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.

Theo đó, thành viên đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bao gồm tổ chức hoặc cá nhân từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và Nghị định này trong thời gian doanh nghiệp đó đang hoạt động bán hàng đa cấp.

Đồng thời, Nghị định số 18/2023/NĐ-CP bổ sung thêm điều kiện: Trong trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động

bán hàng đa cấp là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông, tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đó phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp trong thực tế tối thiểu là 03 năm liên tục ở một nước, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Nghị định số 18/2023/NĐ-CP cũng bổ sung quy định "Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trên phạm vi toàn quốc".

2.2.3. Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất



Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất có hiệu lực từ 1/6/2023.

Cụ thể, phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất gồm: Phế liệu sắt, thép, gang; phế liệu và mẩu vụn của nhựa (plastic); phế liệu

giấy; phế liệu thủy tinh; phế liệu kim loại màu.

2.3. Luật Lao động

2.3.1. Bổ sung bệnh nghề nghiệp được hưởng BHXH

Đây là nội dung được đề cập tại **Thông tư 02/2023/TT-BYT**, có hiệu lực từ ngày 01/4/2023.

Theo đó, “bệnh COVID-19 nghề nghiệp” được bổ sung vào danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội.

Theo Phụ lục 35 Thông tư 02, bệnh Covid-19 nghề nghiệp là bệnh phát sinh trong quá trình lao động do người lao động phải tiếp xúc với vi rút SARS-CoV-2 có trong môi trường lao động. Có 02 yếu tố gây nên bệnh Covid-19 nghề nghiệp bao gồm:

- Có tiếp xúc với vi rút SARS-CoV-2 trong môi trường lao động.

- Yếu tố gây bệnh được ghi nhận tại một trong các văn bản sau:

- Biên bản xác định tiếp xúc nghề nghiệp với vi rút SARS-CoV-2.

- Văn bản cử tham gia phòng chống dịch, phục vụ, cứu trợ người nhiễm vi rút SARS-CoV-2.

- Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp quy định tại **Nghị định 44/2016/NĐ-CP**.

- Biên bản xác nhận tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp cấp theo Thông tư 28/2016/TT-BYT.

- Từ 20/6, lao động nữ khi khám sức khỏe định kỳ sẽ được khám phụ sản.

2.3.2. Lao động nữ khi khám sức khỏe định kỳ sẽ được khám phụ sản

- Theo Thông tư 09/2023/TT-BYT của Bộ Y tế có hiệu lực từ ngày 20/6, lao động nữ khi khám sức khỏe định kỳ được khám chuyên khoa phụ sản, gồm 4 nội dung:



- 1- Khám phụ khoa;
- 2- Sàng lọc ung thư cổ tử cung;
- 3- Sàng lọc ung thư vú;
- 4- Siêu âm tử cung- phần phụ (khi có chỉ định của bác sỹ khám).

2.3.3. Mẫu hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ mới trong đơn vị sự nghiệp công lập

- **Thông tư 05/2023/TT-BNV** ngày 3/5/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/6/2023.

2.4. Luật Ngân hàng

2.4.1. Cho phép bảo lãnh ngân hàng theo phương thức điện tử

Tiếp tục chuỗi chính sách mới có hiệu lực tháng 4/2023 là những quy định mới về bảo lãnh ngân hàng được đề cập trong **Thông tư 11/2022/TT-NHNN**.

Thông tư 11 đã bổ sung quy định về hoạt động bảo lãnh điện tử, từ đó cho phép tổ chức tín dụng và khách hàng được lựa chọn thực hiện hoạt động bảo lãnh ngân hàng bằng phương thức điện tử. Quy định này được áp dụng từ ngày 01/4/2023.

Việc thực hiện hoạt động bảo lãnh điện tử phải đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ thông điệp dữ liệu và bảo mật thông tin phù hợp với quy định của pháp luật. Lưu ý, việc nhận biết và xác minh thông tin nhận biết khách hàng qua phương tiện điện tử sẽ bị giới hạn giá trị của mỗi cam kết bảo lãnh:

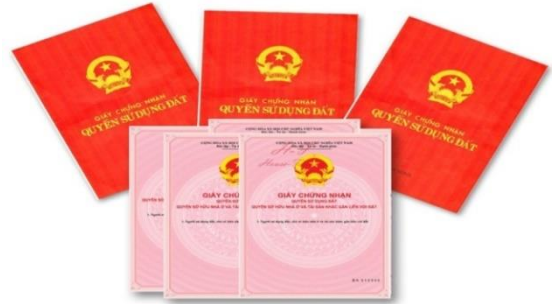
- Khách hàng là cá nhân: Giá trị mỗi cam kết bảo lãnh không quá 4 tỷ đồng.
- Khách hàng là tổ chức: Giá trị mỗi cam kết bảo lãnh không quá 45 tỷ đồng.

Giới hạn này không áp dụng với các trường hợp như: Thông tin nhận biết khách hàng được xác thực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khách hàng gửi đề nghị cấp bảo lãnh thông qua hệ

thống SWIFT; khách hàng sử dụng chữ ký số khi đề nghị cấp bảo lãnh; khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,...

2.5. Luật Đất đai

2.5.1. Thay đổi loạt quy định về sổ đỏ từ 20/5/2023



Ngày 03/4/2023, Chính phủ đã ban hành **Nghị định 10/2023/NĐ-CP** sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Với việc đưa vào áp dụng từ ngày 20/5/2023, **Nghị định 10/2023/NĐ-CP** sẽ đem đến loạt thay đổi liên quan đến việc cấp sổ đỏ và nhiều quy định khác liên quan đến quyền sử dụng đất, bao gồm:

- Cho phép cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng gắn liền với đất theo mục đích sử dụng đất thương mại, dịch vụ đáp ứng đủ điều kiện. Nhờ đó, Resort, Villa, Condotel,... tới đây sẽ được cấp sổ đỏ.
- Sửa đổi thẩm quyền cấp Sổ đỏ

Khi đăng ký biến động đất đai hoặc cấp đổi, cấp lại sổ đỏ tại địa phương đã thành lập văn phòng đăng ký đất đai thì cho phép văn phòng đăng ký

đất đai hoặc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cấp Sở đ. Trước đó thẩm quyền này thuộc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bổ sung điều kiện đấu giá quyền sử dụng đất với hộ gia đình, cá nhân.

Theo đó, cá nhân, hộ gia đình phải thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện:

+ Nộp tiền đặt trước bằng 20% tổng giá trị thửa đất;

+ Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

2.5.2. Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng bình quân 300.000 đồng/ha/năm

Thông tư 21/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/6/2023.



Theo đó, mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng bình quân 300.000 đồng/ha/năm. Đối với khoán bảo vệ rừng ven biển, mức hỗ trợ tối đa bằng 1,5 lần mức hỗ trợ bình quân. Kinh phí lập hồ sơ khoán

bảo vệ rừng 50.000 đồng/5 năm. Việc hỗ trợ kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng chỉ thực hiện 1 lần trước khi tiến hành khoán bảo vệ rừng.

Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng cụ thể như sau: Công ty lâm nghiệp: 300.000 đồng/ha/năm; ban quản lý rừng, UBND cấp xã: 100.000 đồng/ha/năm; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 300.000 đồng/ha/năm.

3. Văn bản pháp luật ban hành trong Quý II/2023

3.1. Luật Hành chính

3.1.1. Quy định xử phạt vi phạm hành chính về Trồng trọt

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2023/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt, theo đó, Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo từng chức danh đối với từng hành vi vi phạm hành chính về trồng trọt, cụ thể một số điểm mới như sau:

Mức phạt tiền tối đa cho 01 hành vi vi phạm hành chính về trồng trọt (trừ phân

bón) đối với cá nhân là 50 triệu đồng. Mức phạt tiền đối với tổ chức có cùng một hành vi vi phạm hành chính gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

- *Tăng mức phạt đối với 01 số hành vi vi phạm quy định về sản xuất giống cây trồng:* Theo đó, phạt tiền đối với hành vi sản xuất giống cây ăn quả lâu năm, cây công nghiệp lâu năm bằng phương pháp vô tính không lấy vật liệu nhân giống của cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng đã được cấp Quyết định công nhận, cụ thể:

+ Phạt từ 20 - 25 triệu đồng đối với hành vi sản xuất lô giống có số lượng từ 3.000 - 5.000 cây giống (trước đây mức phạt từ 10 - 15 triệu đồng).

+ Phạt từ 25 - 30 triệu đồng đối với hành vi sản xuất lô giống có số lượng từ 5.000 cây giống trở lên (trước đây mức phạt từ 15 - 25 triệu đồng).

- Buôn bán phân bón khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón bị phạt từ 10 - 15 triệu đồng (trước đây mức phạt từ 07 - 10 triệu đồng).

- Phạt tiền từ 05 - 10 triệu đồng đối với hành vi buôn bán giống cây trồng không có hồ sơ bảo đảm truy xuất nguồn gốc lô giống cây trồng, hồ sơ chất lượng lô giống cây trồng theo quy định (trừ giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm)...

- Không kiểm định ruộng giống theo quy định bị phạt tới 20 triệu đồng, cụ thể:

+ Phạt tiền từ 5 - 7 triệu đồng đối với hành vi kiểm định ruộng giống không theo tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp kiểm định ruộng giống.

+ Phạt tiền từ 7 - 10 triệu đồng đối với hành vi thực hiện kiểm định ruộng giống nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống.

+ Phạt tiền từ 15 - 20 triệu đồng đối với hành vi sản xuất giống nhưng không thực hiện kiểm định ruộng giống theo quy định.

Bên cạnh đó, Nghị định số 31/2023/NĐ-CP cũng nêu rõ về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt là 01 năm. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm trong các trường hợp sau: (1) Vi phạm hành chính về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng; (2) Vi phạm hành chính về sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng; (3) Vi phạm hành chính về sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 7 năm 2023.

3.2. Luật Kinh tế

3.2.1. Quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và

xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Theo đó, Nghị định số 32/2023/NĐ-CP đã thay thế Phụ lục II Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ bằng Phụ lục Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép kèm theo Nghị định này.

Cụ thể, Danh mục gồm: Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng (mã HS 84.43); máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hoá và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác (mã HS 84.71); bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.70 đến 84.72 (mã HS 84.73);...

Nghị định nêu rõ, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự đã

được cấp cho doanh nghiệp trước ngày Nghị định số 32/2023/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 9/6/2023) thì tiếp tục có giá trị thực hiện thủ tục hải quan theo thời hạn ghi trên Giấy phép nếu tên gọi của sản phẩm phù hợp với mô tả hàng hoá tại Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Cơ quan Hải quan căn cứ vào Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp và thực tế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để xác định mã số HS và giải quyết thủ tục thông quan cho doanh nghiệp theo quy định.

3.2.2. Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

Ngày 26/5/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 36/2021/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Tại thông tư quy định một số nội dung về điều chỉnh vốn điều lệ; Chuyển nhượng vốn, quyền mua cổ phần, quyền góp vốn đầu tư của Nhà nước và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quản lý vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần và Công ty trách nhiệm hữu hạn; Kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê tài sản tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; xây dựng kế hoạch tài chính của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và chế độ báo cáo và tổng hợp báo cáo. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 và thay thế Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm.

3.2.3. Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị

Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến góp ý của nhân dân với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, trong đó sửa đổi, bổ sung Nghị định số 11/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.



Bộ Xây dựng cho biết, quy định yêu cầu về xây dựng Chương trình phát triển đô thị đang được quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP và Nghị định số 42/2009/NĐ-CP; tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về Chương trình này tại Nghị định mà chỉ được quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tại Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 quy định Chương trình phát triển đô thị làm cơ sở để phân loại đô thị. Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về "Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị

Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" đã xác định nhiều nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị. Đồng thời, để triển khai những định hướng, chỉ đạo mới về phát triển đô thị như phát triển đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; bảo đảm cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thành phố, thị xã, thị trấn và khu vực dự kiến hình thành đô thị trong tương lai. Để thống nhất các nội dung, quy định tại một Nghị định của Chính phủ, cần thiết phải bổ sung quy định cụ thể về Chương trình phát triển đô thị vào dự thảo Nghị định.

Bổ sung Chương trình phát triển đô thị

Dự thảo bổ sung "Điều 3a. Chương trình phát triển đô thị". Theo đó, chương trình phát triển đô thị là tập hợp các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, dự án nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển đô thị của từng giai đoạn theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị, được lập cho các đối tượng sau:

a) Tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; b) Thành phố, thị xã, thị trấn trực thuộc tỉnh hoặc trực thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương trình phát triển đô thị phải đáp ứng các yêu cầu: Phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị; chiến lược, chương trình, kế hoạch về phát triển đô thị cấp cao hơn được duyệt; các chương trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực thực tế tại địa phương; đồng bộ với các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan đến phát triển đô thị.

Chương trình phát triển đô thị phải xác định được: Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm và 10 năm; cụ thể hoá theo từng năm trong giai đoạn 05 năm đầu của chương trình; chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị; các chương trình, đề án trọng tâm về phát triển đô thị sinh thái, tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững...

Đối với khu vực dự kiến hình thành đô thị mới trong tương lai từ đơn vị hành

chính nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng phát triển đô thị mới. Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày thành lập đơn vị hành chính đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị và phê duyệt theo quy định.

Chương trình phát triển đô thị phải được rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới trên cơ sở kết quả rà soát, tổng hợp đánh giá việc thực hiện sau từng giai đoạn 5 năm hoặc cấp có thẩm quyền ban hành mới các mục tiêu phát triển đô thị hoặc phê duyệt các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch quy định.

3.2.4. Về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài

Nghị định 20/2023/NĐ-CP bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể, Nghị định 20/2023/NĐ-CP bổ sung khoản 3a, 3b Điều 12 về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

3a. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này.

3b. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này.

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA

Cùng với việc bổ sung quy định về thẩm quyền, Nghị định 20/2023/NĐ-CP cũng bổ sung khoản 5a, 5b Điều 14 về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5a. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Cơ quan chủ quản lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan;

c) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

d) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan;

đ) Căn cứ ý kiến thẩm định của đơn vị có chức năng, ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư.

5b. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan;

đ) Căn cứ ý kiến thẩm định của đơn vị có chức năng, ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

3.2.5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị

định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.



Theo đó, Nghị định 22/2023/NĐ-CP sửa đổi khoản 3 Điều 8 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 7 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường).

Trong đó, sửa điều kiện với đội ngũ cán bộ chuyên môn của tổ chức lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

Cụ thể, về kinh nghiệm công tác, người phụ trách kỹ thuật của đề án, báo cáo có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, môi trường hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 03 đề án, báo cáo.

Nghị định 22/2023/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Khoản 1 Điều 16, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP quy định: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá.

Còn tại Nghị định 22/2023/NĐ-CP quy định trên được sửa đổi, bổ sung như sau: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá.

Nghị định 22/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Cụ thể, sửa đổi Điều 32 khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

Theo đó, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để

lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản phải có văn bản và kế hoạch khảo sát, lấy mẫu gửi UBND cấp tỉnh nơi dự kiến thăm dò khoáng sản bằng cách trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường).

Mẫu trên mặt đất bao gồm mẫu trọng sa, kim lượng, mẫu thạch học, khoáng tướng, mẫu rãnh lấy tại các vết lộ, gồm cả mẫu rãnh tại các vết lộ, các công trình khảo sát, thăm dò khoáng sản đã thực hiện trước đó (nếu có), số lượng của mỗi loại mẫu không quá 50 mẫu; trọng lượng 01 mẫu rãnh không quá 15 kg (riêng đối với mẫu đá ốp lát có thể tích không quá 0,4 m³). Thời gian lấy mẫu trên mặt đất không quá 01 tháng.

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân, UBND cấp tỉnh phải có văn bản thông báo việc chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng các hình thức trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.2.7. Về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ

quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh

Ngày 25/4/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2023/NĐ-CP về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. Bên cạnh việc quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động, quản lý, giám sát và quy trình công nhận doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, Nghị định số 16/2023/NĐ-CP còn quy định chế độ, ưu đãi đối với doanh nghiệp, cán bộ, nhân viên, người lao động tại các doanh nghiệp này.



Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp đảm bảo đồng thời 3 điều kiện sau

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp quy định tại điểm a nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu 100% vốn điều lệ của các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trong đó có ít nhất một doanh nghiệp là doanh nghiệp quy định tại điểm a.

- Có ngành, lĩnh vực và địa bàn hoạt động quy định tại phụ lục về danh mục ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh kèm theo Nghị định này.

- Được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trực tiếp hoặc thông qua cơ quan chức năng, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bằng nguồn lực từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn lực của doanh nghiệp phù hợp với mục tiêu đầu tư, thành lập doanh nghiệp.

Chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, người lao động

Người lao động trong doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh được hưởng các chế độ, chính sách sau:

- Tiền lương của lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu được tính phù hợp với quy định về chế độ, chính sách của pháp luật đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và căn cứ vào năng suất lao động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp.

- Khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, người lao động nếu bị thương hoặc bị chết mà đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, xác nhận là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật ưu đãi về người có công với cách mạng; người lao động bị tai nạn lao động thì xét hưởng chế độ tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

- Nhà nước bố trí kinh phí để đảm bảo trả lương, đóng bảo hiểm xã hội cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu trong thời gian chuẩn

bị nghỉ hưu; thanh toán các khoản chi xuất ngũ, phục viên, thôi việc theo chế độ hiện hành.

Nghị định có hiệu lực từ 25/4/2023.

3.3. Luật Ngân hàng

3.3.1. Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28-4-2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Nghị định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Phòng, chống rửa tiền về nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền; nhận biết khách hàng; tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi; giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo; thu thập, xử lý và phân tích thông tin phòng, chống rửa tiền; trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước; căn cứ đề nghị ngừng hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc danh sách đen và cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận báo cáo trì hoãn giao dịch.

Về nguyên tắc đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo các tiêu chí,

phương pháp được pháp luật quy định, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Nghị định cũng quy định tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền; tiêu chí mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền và tiêu chí hậu quả rửa tiền của quốc gia và của ngành, lĩnh vực. Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo lưu trữ tại tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và thông tin, hồ sơ, tài liệu tổ chức, cá nhân tiếp nhận, thu thập được trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để phục vụ công tác phân tích, trao đổi, cung cấp và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền.

3.3.2. Quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN

Ngày 23/4/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 03/2023/TT-NHNN ngưng hiệu lực thi hành khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ

chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp.

Theo đó, ngưng hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với quy định tại khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN.

Trong thời gian ngưng hiệu lực thi hành khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN theo quy định tại Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng) được mua lại trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết) mà tổ chức tín dụng đã bán và/hoặc trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành cùng lô/cùng đợt phát hành với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết mà tổ chức tín dụng đã bán khi:

- a) Đáp ứng các quy định tại Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN;
- b) Bên mua trái phiếu doanh nghiệp này từ tổ chức tín dụng thanh toán toàn bộ số tiền mua trái phiếu doanh nghiệp tại thời điểm tổ chức tín dụng ký kết hợp đồng bán trái phiếu doanh nghiệp cho bên mua trái phiếu;

c) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu được xếp hạng ở mức cao nhất theo quy định xếp hạng tín dụng nội bộ của tổ chức tín dụng tại thời điểm gần nhất trước khi tổ chức tín dụng mua trái phiếu doanh nghiệp.

Thông tư 16/2021/TT-NHNN có hiệu lực 24/4/2023.

3.4. Luật Đất đai

3.4.1. Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

Ngày 06/01/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 02/2023/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Theo đó, Ủy ban nhân dân các cấp sử dụng kinh phí do cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP để thực hiện bảo vệ phát triển đất trồng lúa như sau:

Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Phần kinh phí còn lại dùng thực hiện một số công việc như: Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại; Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa; Khai hoang, phục hoá đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

3.4.2. Điểm mới của Thông tư 02/2023/TT-BTNMT về sổ đỏ

Bổ sung hướng dẫn về hồ sơ cấp Sổ đỏ cho đất tăng thêm theo Điều 2 của Thông tư 02/2023/TT-BTNMT có các quy định sau đây:

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: Trong trường hợp diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển nhượng, thừa kế hoặc tặng cho quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ cấp Sổ đỏ bao gồm các giấy tờ sau:

+ Đơn đề nghị cấp lại hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liên với đất theo Mẫu số 10/ĐK cho toàn bộ diện tích đất đang sử dụng.

+ Bản gốc Giấy chứng nhận của thửa đất gốc.

+ Giấy chứng nhận và hợp đồng, văn bản chuyển nhượng, thừa kế hoặc tặng cho quyền sử dụng đất của diện tích đất tăng thêm.

Đối với trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho phần diện tích đất tăng thêm trước ngày 01/07/2014 mà bên nhận chuyển quyền chỉ có Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất, hồ sơ cần nộp bao gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, văn bản chuyển nhượng, thừa kế hoặc tặng cho quyền sử dụng đất của diện tích đất tăng thêm.

Sửa thẩm quyền xác nhận thay đổi vào Sổ đỏ đã cấp khi đăng ký biến động:

Theo Khoản 2 Điều 1 Thông tư 02/2023/TT-BTNMT đã sửa đổi quy định xác nhận thay đổi vào sổ đỏ đã cấp khi đăng ký biến động đất đai tại khoản 3 Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT (được bổ sung bởi Thông tư 33/2017/TT-BTNMT) như sau:

- Cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và

khoản 2 Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT cụ thể:

+ Việc cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung).

+ Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận là Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

+ Trong trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận.

- Đối với trường hợp quy định tại điểm n khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT như sau:

+ Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

+ Sau khi hoàn thành thủ tục tại cơ quan tài nguyên và môi trường, hồ sơ sẽ được chuyển cho cơ quan quy định tại Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Với những thay đổi này, việc cấp đổi, cấp lại Sổ đỏ sẽ được thực hiện theo quy trình cụ thể như sau:

- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT:

+ Người đăng ký biến động đất đai tại Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và nộp đầy đủ hồ sơ liên quan.

+ Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận thay đổi vào Sổ đỏ đã cấp.

+ Sau đó, cấp Giấy chứng nhận xác nhận thay đổi vào Sổ đỏ theo quy định tại Điều 37 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 10/2023/NĐ-CP).

+ Trong trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận.

- Đối với trường hợp quy định tại Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT:

+ Người đăng ký biến động đất đai nộp hồ sơ tại cơ quan tài nguyên và môi trường.

+ Cơ quan tài nguyên và môi trường thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

+ Hoàn thành thủ tục tại cơ quan tài nguyên và môi trường, hồ sơ sẽ được chuyển cho cơ quan để cấp Giấy chứng nhận xác nhận thay đổi vào Sổ đỏ.

Như vậy, việc sửa đổi quy định trong Thông tư 02/2023/TT-BTNMT nhằm đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ theo quy định mới nhất tại Nghị định 10/2023/NĐ-CP để thực hiện quy trình cấp đổi, cấp lại Sổ đỏ một cách chi tiết và rõ ràng.

4. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao (từ 10/3/2023-12/6/2023)

(Nguồn: congbobanan.toaan.gov.vn)

4.1. Luật Hình sự:

Bản án: số 328 ngày 25/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Bị cáo Ngô Thanh Phú và đồng phạm bị xét xử về tội "Đánh bạc", "Tổ chức đánh bạc" - phạm tội đánh bạc (điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm T, Nguyễn Công Ph, Lê Minh Nh. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Thanh Ph. Sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 608/2022/HS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Ngô Thanh Ph. *Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1/ Xử phạt: Ngô Thanh Ph 04 (Bốn) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 14/6/2021 đến ngày 03/8/2021. Phạt bổ sung đối với bị cáo Ngô Thanh Ph 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. *Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2/ Xử phạt: Phạm T 04 (Bốn) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 01/02/2021 đến ngày 09/7/2021. *Căn cứ vào khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

3/ Xử phạt: Nguyễn Công Ph 05 (Năm) năm tù, về tội "Gá bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 01/02/2021 đến ngày 24/4/2021. Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Công Ph 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. *Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

4/ Xử phạt: Lê Minh Nh 03 (Ba) năm tù, về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 01/02/2021 đến ngày 03/8/2021. Về án phí hình sự phúc thẩm: Phạm T, Nguyễn Công Ph, Lê Minh Nh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ngô Thanh Ph không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 141/2023/HS-PT ngày 21/04/2023 tại Đà Nẵng

Đoàn Dương P - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Dương P, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 106/2022/HS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án: số 139/2023/HS-PT ngày 21/04/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn T - phạm tội đánh bạc (điều 321 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2022/HS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt.

Bản án: số 137/2023/HSPT ngày 21/04/2023 tại Đà Nẵng

Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 - phạm tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ (điều 305 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 79/2022/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 13 năm 06 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” và 01 năm 06 tháng tù tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 10/5/2022 đến ngày 29/8/2022.

Bản án: số 129/2023/HS-PT ngày 18/04/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn H - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-VC2 ngày 12/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm c khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn V H hình phạt Tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn V H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là Tù chung thân. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/3/2019.

Bản án: số 132/2023/HS-PT ngày 19/04/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Bá C và đồng phạm - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá C, Lê Ngọc A và Nguyễn Hữu L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc A hình phạt tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá C hình phạt tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L hình phạt tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bản án: số 126/2023/HS-PT ngày 18/04/2023 tại Đà Nẵng

Hồ A R cùng đồng phạm - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hồ A L1, Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với bị cáo Hồ A L1 có hiệu lực pháp luật.
2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ A R, Hồ A K, Hồ Văn L và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2022/HS-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.
 - Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 40; Điều 58 của BLHS năm 2015, xử phạt: Bị cáo Hồ A R, tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.
 - Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 40; Điều 58 của BLHS năm 2015, xử phạt: Bị cáo Hồ A K tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.
 - Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 40; Điều 58 của BLHS năm 2015, xử phạt: Bị cáo Hồ Văn L tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bản án: số 275/2023/HS-PT ngày 12/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Thị Kim P bị xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Phạm Thị Kim P đã tự xưng là người có chức vụ để lừa đảo mọi người mua được xe với giá rẻ. Từ đó chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Bản án: số 265/2023/HS-PT ngày 09/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Quang L và đồng phạm bị xét xử về tội Giết người - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong giao tiếp mà các bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm tước đoạt tính mạng của người bị hại.

Bản án: số 78/2023/HS-PT ngày 27/03/2023 tại Đà Nẵng

Lê Tấn M - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Ngô Thị H và chị Lê Thị Thu H về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.
- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ngô Thị H và chị Lê Thị Thu H về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo.
- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 09-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Bản án: số 144/2023/HS-PT ngày 25/04/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Việt T - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, như sau: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Việt T 11 (mười một) năm tù về “Tội giết người”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2022.

Bản án: số 143/2023/HS-PT ngày 25/04/2023 tại Đà Nẵng

Võ Thành C, Nguyễn Hữu A và các bị cáo khác - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; 1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S. Bản án sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S kể từ ngày ra quyết định đình chỉ (ngày 25/4/2023).
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; 2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu A và Phan Công T; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Bản án: số 58/2023/HS-PT ngày 23/03/2023 tại Đà Nẵng

Triệu Minh H và đồng phạm - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

1. Áp dụng Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Đăng Đ, Trần Huy H, Trần Nhật N về nội dung không áp dụng tình tiết “có tính chất côn đồ”.
2. Áp dụng Điều 155; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Minh H, Phạm Văn K, Nguyễn Hữu T, Trương Ngọc T, ÝL Niê, Lê Quốc V, Lê Quốc C, Nguyễn Tài B, Nguyễn Đăng Đ, Trần Huy H, Trần Nhật N, YR Êban, YK Êban, YC Hđok, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án: số 266 ngày 09/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Trần Văn Đ - phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy (điều 250 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vào ngày 04/3/2022, Trần Văn Đ được người tên A thuê đến huyện Gò G, tỉnh Tây Ninh nhận ma túy từ người đàn ông tên B (không rõ nhân thân, lai lịch), trả tiền cho B và về lại thị xã D, tỉnh Bình Dương giao lại cho A; A trả công 5.000.000 đồng. Trên đường vận chuyển ma túy về giao lại cho A, đến địa phận phường A, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh thì Đ bị lực lượng chức năng kiểm tra và bắt quả tang với tang vật qua giám định là ma túy có khối lượng 3,3608 gam, loại MDMA và 1999,4792 gam, loại Methamphetamine.

Bản án: số 258 ngày 27/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Đình Văn B - phạm tội buôn lậu (điều 188 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vào ngày 17/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an phối hợp với lực lượng chức năng khác bắt quả tang Trần Quốc V, Đào Văn T, Thái Hồng T1 đang bốc dỡ hàng hóa có nguồn gốc là hàng quá cảnh. Qua điều tra xác định được Trần Quốc V, Trần Lệ Ch, Lê Nguyên Kh1 thành lập pháp nhân có ngành nghề xuất nhập khẩu hàng hóa để đứng tên vận chuyển hàng hóa quá cảnh vào Việt Nam qua cửa khẩu hải quan T; V thuê Đào Văn T, Thái Hồng T1 chuyển hàng hóa đến kho hàng của V, tháo seal hải quan niêm phong để chuyển hàng hóa trong xe xuống và đưa hàng hóa khác có giá trị thấp, số lượng ít vào thùng xe lắp lại chốt seal; đưa lên cửa khẩu M – Tây Ninh để xuất sang Campuchia. Đối với hàng hóa quá cảnh đã dỡ xuống thì Trần Quốc V, Lê Nguyên Kh1 chỉ đạo T và T1 chuyển đến các chủ hàng chỉ định tại Thành phố Hồ Chí Minh và nhận tiền công vận chuyển. Số hàng hóa này được các chủ hàng đưa ra tiêu thụ ngoài thị trường.

Qua điều tra xác định được hàng hóa bị bắt quả tang là của Phạm Nguyễn Đăng Kh, Đình Văn B và đối tượng tên H (không rõ nhân thân, lai lịch). Theo Kết luận định giá số 5631/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành

phổ thì tổng giá trị hàng hóa bị bắt quả tang của Phạm Nguyễn Đăng Kh là 1.780.013.000 đồng; tổng giá trị hàng hóa bị bắt quả tang của Đinh Văn B là 4.113.815.000 đồng.

Bản án: số 309 ngày 22/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Trần Đỗ Ái Nhân - phạm tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép (điều 348 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vì động cơ vụ lợi, Trần Đỗ Ái Nh đã làm hồ sơ xin cấp Visa nhập cảnh vào Úc cho 35 khách hàng, trong đó có 16/35 người được cấp Visa và 14/16 người đã xuất cảnh sang Úc du lịch. Nh đã thu lợi được tổng cộng 92.265.000 đồng. Huỳnh Đức Thiên Ch có hành vi giúp Nh làm giả 26 bộ hồ sơ chứng minh việc làm cho khách hàng của Nh, trong đó Ch trực tiếp soạn thảo, ký tên, đóng dấu 06 bộ hồ sơ, còn 20 bộ hồ sơ Ch nhờ người khác ký tên, đóng dấu và giao lại cho Nh để Nh sử dụng các tài liệu giả này bổ sung hồ sơ xin cấp Visa thị thực Úc cho khách hàng.

Bản án: số 120 ngày 16/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Lý Văn Sanh - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Lý Văn Sanh kết hôn với chị Vi Thị Lý vào năm 2013, cùng sinh sống tại Thôn 08, xã Đăk Wil, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông và có 02 người con chung: Lý Hồng Nhân, sinh năm 2014 và Lý Hồng Quân, sinh năm 2016. Đầu năm 2020, chị Lý đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, Sanh ở nhà buôn bán và chăm sóc các con. Trong thời gian làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, chị Lý ít khi về nhà. Ngày 28-01-2022, khi chị Lý về nhà nghỉ Tết nguyên đán, Sanh đề nghị chị Lý không đi làm công nhân nữa, ở nhà phụ giúp Sanh buôn bán và nuôi dạy con, nhưng chị Lý không đồng ý. Khoảng 04 giờ ngày 04-02-2022, khi ngủ dậy Sanh tiếp tục nói chuyện về việc chị Lý ở nhà, không đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương nữa nhưng chị Lý không đồng ý, nghi ngờ chị Lý không chung thủy. Sau đó, Sanh dậy đi uống nước, thấy 01 con dao Thái lan để trên bàn nên cầm theo vào phòng ngủ mục đích giết chị Lý rồi tự sát.

Bản án: số 121 ngày 16/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Nông Văn Thiết "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi" - phạm tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (điều 142 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Trong thời gian từ tháng 10/2020 đến ngày 26/11/2021, Nông Văn Thiết, sinh ngày 03/4/2002, trú tại thôn 8, xã Cư K'Nia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã thực hiện các hành vi phạm tội, cụ thể: Hành vi Hiếp dâm người dưới 16 tuổi: Khoảng 13

giờ ngày 25/11/2021, Nông Văn Thiết đi ngang qua phòng ngủ em gái của mình là Nông Thị Xoan (sinh ngày 27/01/2007), thấy Xoan đang nằm ngủ. Trong nhà lúc này không có ai nên Thiết nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với Xoan, Thiết đi ra chuồng gà gần nhà lấy chiếc còng số 8 (Thiết mua trên mạng trước đó) rồi đi vào nơi Xoan đang ngủ, mục đích còng tay để Xoan khỏi chống trả, Thiết ngồi lên giường dùng còng số 8 khóa tay trái của Xoan trước, sau đó lật Xoan nằm úp xuống rồi khóa tay còn lại (khóa hai tay ra phía sau lưng) với mục đích không cho Xoan chống cự. Thiết lật Xoan nằm ngửa lại và ngồi lên người cởi áo, quần của Xoan ra, sau đó kéo áo ngực lên phía trên và dùng tay bóp vú. Thiết cởi quần của mình và dùng tay trái đưa dương vật đã cương cứng vào bộ phận sinh dục của Xoan thực hiện hành vi giao cấu và xuất tinh trùng lên phần bụng của Xoan. Sau khi quan hệ tình dục xong, Thiết tháo còng tay ra và đi tắm, sau đó đi ngủ.

Bản án: số 112/2023/HS-PT ngày 30/03/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Tấn K cùng đồng phạm - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Võ T1, Lê Đức N và Nguyễn Thế C.
- Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức N là ông Lê Đức H và bà Trần Thị Tuyết Vi.
- Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại là anh Đỗ Quang H và anh Nguyễn Văn Đ.
- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2022/HS-ST ngày 03-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Võ T1, Lê Đức N, Nguyễn Võ T1 và Nguyễn Thế C.

Bản án: số 117/2023/HS-PT ngày 10/04/2023 tại Đà Nẵng

Võ Xuân T cùng đồng phạm - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Xuân T và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Võ Văn H và bà Đỗ Thị Kim T .
- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang H và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo H là ông Trần Văn Phương và bà Nguyễn Thị Lành; chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hồng T là ông Nguyễn Hồng Tám và bà Nguyễn Thị Thanh Trà.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HSCTN-ST ngày 09-01-2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Quang H và Nguyễn Hồng T.

Bản án: số 77/2023/HS-PT ngày 27/03/2023 tại Đà Nẵng

Đinh Khả Đ và đồng phạm - phạm tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn B và chấp nhận kháng cáo của ông Trương Bá V; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn B và về trách nhiệm dân sự của ông Trương Bá V.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Khả Đ, Nguyễn Vũ C, Lê Khắc Tâm A; Công ty Cổ phần Thủy điện Đ và không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Phan T P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc S, Ngô Tấn D, Đỗ M Đ, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc M, Võ Khắc A, Ngô Đình T, Vũ T K, Đỗ Thị Bích L, Tân Ngọc T, Huỳnh T, Võ Duy T, Phan Tấn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hữu N.

Bản án: số 79/2023/HS-PT ngày 27/03/2023 tại Đà Nẵng

Đặng Thanh T - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

1/ Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo tăng hình phạt và kháng cáo về xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Tấn C của bị hại Hoàng Thị Thu H.

2/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu H và sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

Bản án: số 217 ngày 18/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Lê Anh C - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Bị cáo Nguyễn Lê Anh C và bị hại Trương Thị Thanh Ng có quan hệ tình cảm với nhau. Khi chị Ng yêu cầu chia tay, bị cáo dùng lời lẽ đe dọa chị Ng, yêu cầu chị Ng tiếp tục mối quan hệ. Vào ngày 18/12/2021, bị cáo mua sẵn xăng mang theo đến

nhà chị Ng để nói chuyện; sau đó giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn do chị Ng không đồng ý quay lại. Khi chị Ng đi vào nhà, bị cáo mở nắp bình đựng xăng, chạy theo ôm chị Ng lại, đổ xăng lên người chị Ng và bật lửa đốt. Hậu quả chị Ng tử vong do bỏng sâu 45% cơ thể.

Bản án: số 236/2023/HSPT ngày 25/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Phạm Sĩ Nguyên mua bán trái phép chất ma túy - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Sĩ N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm. Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phạm Sĩ N tù Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/10/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Sĩ N để đảm bảo thi hành án.

Bản án: số 240/2023/HSPT ngày 25/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Liu W tổ chức đánh bạc - phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999)

Thông tin về vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Liu W 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày 29/3/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Bản án: số 247 ngày 26/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Võ Trung H - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Phan Trọng Ngh biết đối tượng tên “Hoàng” có nguồn ma túy để bán nên đã nói với Võ Trung H khi có người cần mua ma túy thì báo cho Ngh. Vào ngày 21/4/2022, sau khi được H thông báo có người cần mua 100gam ma túy đá thì Ngh liên hệ với đối tượng tên “H” đặt mua; sau đó chở H cùng đi nhận ma túy về bán lại. Do không liên lạc được với người bán nên Ngh chở H quay trở lại trước nhà Đường số 9, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Theo Kết luận giám định số 1465/KLGD-H ngày 28/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì khối lượng ma túy bị bắt quả tang là 95,8336 gam, loại Methamphetamine.

Bản án: số 237 ngày 25/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Nhật L - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Vào ngày 07/9/2021, sau khi đã uống rượu, Nguyễn Nhật L nhớ lại chuyện Công ty DL (lúc này do anh Phan Văn T đại diện thi công công trình) còn nợ L khoảng 30.000.000 đồng tiền công, L đòi nhiều lần không được nên đến nơi anh T đang làm công trình yêu cầu trả tiền. Anh T không đồng ý nên bị cáo tức giận, sử dụng cây búa đầu kim loại tại công trình đánh liên tục 02 cái vào vùng đầu anh T làm anh T bất tỉnh tại chỗ. Sau đó, bị cáo tiếp tục dùng búa đuổi theo đánh anh Đinh Quang V nhưng anh V bỏ chạy, bị cáo đuổi theo không kịp nên vứt búa lại hiện trường. Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 284 ngày 28/9/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp thì tỷ lệ tổn thương cơ thể anh Phan Văn T do thương tích gây tại thời điểm giám định là 18%.

Bản án: số 152/2023/HS-PT ngày 27/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn V.G phạm tội "Giết người" và "Cướp tài sản" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn V.G.; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2022/HS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.
- Tuyên bố bị cáo Nguyễn V.G. phạm tội "Giết người" và "Cướp tài sản" Xử phạt bị cáo Nguyễn V.G. tử hình về tội "Giết người" Xử phạt bị cáo Nguyễn V.G. 09 (chín) năm tù về tội "Cướp tài sản" Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn V.G. phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tử hình.

Bản án: số 153/2023/HS-PT ngày 27/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Huỳnh Thanh A cùng đồng phạm phạm tội "Giết người" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Thanh A.
- Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng nặng mức hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Thanh A, Phan Văn Út M và Trần Quốc Th của bà Huỳnh Thị V và bà Nguyễn Thị Trúc Nh là những người đại diện hợp pháp của bị hại Lương Văn X; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Bản án: số 24/2023/HS-PT ngày 13/03/2023 tại Đà Nẵng

Dương Thị Ngọc A và Đào Thị Như L - phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (điều 356 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Ngọc A, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Ngọc A. Chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Phạm T và vợ chồng bà Lê Thị H, ông Nguyễn Hoài H. Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và hình phạt của bị cáo Đào Thị Như L. Giao hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

Bản án: số 26/2023/HS-PT ngày 13/03/2023 tại Đà Nẵng

Văn Quý Đ - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Võ Thành H1 và Nguyễn Vũ Ngọc H2.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Văn Quý Đ giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố: Bị cáo Văn Quý Đ phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.
 - Áp dụng điểm a, i, n, q khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Văn Quý Đ 20 (hai mươi) năm tù về tội “Giết người”.
 - Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Văn Quý Đ 01 (một) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. - Áp dụng Điều 55 Bộ Luật hình sự; Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 19/7/2022.

Bản án: số 115/2023/HS-PT ngày 31/03/2023 tại Đà Nẵng

Cao Văn B - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Tuyên bố bị cáo Cao Văn B phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Cao Văn B Tử hình về tội “Giết người”.

Bản án: số 88/2023/HS-PT ngày 28/03/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Dương Tiến H cùng đồng phạm - phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (điều 322 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Tấn K, Lê Tự C và Trương Lý H3.
- Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Dương Tiến H và Dương Trọng Nh.
- Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Minh Ph và Trần Ngọc H2.
- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 07-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về Phần hình phạt chính đối với các bị cáo Nguyễn Dương Tiến H, Dương Trọng Nh, Nguyễn Minh Ph và Trần Ngọc H2.

Bản án: số 40/2023/HS-PT ngày 16/03/2023 tại Đà Nẵng

Lê Tấn Đ - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị số 26/QĐ-VC2 ngày 17-10-2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- Huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 21-9-2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định và giao hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử sơ thẩm lại cho đúng quy định của pháp luật.

Bản án: số 68/2023/HS-PT ngày 24/03/2023 tại Đà Nẵng

Lã Như K - phạm tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (điều 227 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lã Như K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2022/HS-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp

hành hình phạt đối với bị cáo Lã Như K. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lã Như K 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lã Như K cho Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bản án: số 33/2023/HS-PT ngày 15/03/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Duy L - phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (điều 125 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy L và sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy L, phạm tội: “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”.
2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 125; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 31/12/2021).

Bản án: số 45/2023/HS-PT ngày 17/03/2023 tại Đà Nẵng

Trần Thị Oanh K - phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 175 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần P Bình Định, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần dân sự. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Oanh K bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm: - Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Q 93.383.824 đồng (Chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng). - Công ty CP P Bình Định

80.845.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) - Công ty TNHH V Phong 55.190.000 đồng (Năm mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Tiếp tục tạm giữ 72.300.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp theo ủy nhiệm chi lập ngày 20/4/2022 và số tiền 157.746.000 đồng trong tài khoản số 58010000003089 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và P triển Việt Nam chi nhánh Bình Định của Công ty TNHH Thương mại V để đảm bảo thi hành án các khoản bồi thường của Trần Thị Oanh K.

Bản án: số 31/2023/HSPT ngày 14/03/2023 tại Đà Nẵng

Nguyễn Văn Q - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q. Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2022/HS-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đối với bị cáo Nguyễn Văn Q có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 14/3/2023.
2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần D và bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2022/HS-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án: số 61/2023/HS-PT ngày 24/03/2023 tại Đà Nẵng

Trần Thế A và đồng phạm - phạm tội cướp giật tài sản (điều 171 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thế A, Nguyễn Thị Thanh D, Phan Thị V, Vương Văn Q, Văn Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn H và sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Bản án: số 180 ngày 31/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Bị cáo Nguyễn Trí D bị xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trí Doãn. Sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 572 / 2022 / HS-ST ngày 13 / 12 / 2022 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí Doãn 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2020..
- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Bản án: số 116 ngày 15/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Mai Văn Ch - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc nợ nần, vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/3/2022, bà Nguyễn Thị A đến Trường cao đẳng C tìm gặp và chửi bới Mai Văn Ch. Do sợ ảnh hưởng đến công việc nên bị cáo nói với bà A về nhà bị cáo để giải quyết. Trên đường đi bà A tiếp tục chửi Ch nên Ch đã dừng xe mô tô tại lô cao su số 100, thuộc khu 15, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai để nói chuyện với bà A. Do bà A tiếp tục chửi Ch, đồng thời yêu cầu Ch phải chờ bà A qua gặp bố mẹ vợ của Ch để nói chuyện nên Ch đã đi ra phía sau lưng bà A dùng tay phải siết chặt cổ bà A cho đến khi bà A không cử động nữa; hậu quả bà A tử vong.

Bản án: số 142 ngày 21/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn Ng - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Ngày 18/10/2021, khi bị cáo Nguyễn Văn Ng đến tiệm bán đồ điện, nước của ông Bùi Minh H giáp ranh nhà mình để mua đinh, bị cáo Ng thấy ông Nguyễn Văn H1 đang đánh cờ tướng với ông Bùi Văn Ch ở trước tiệm. Bị cáo Ng nhớ lại năm 2013 ông H1 là Công an viên được phân công tham gia giải quyết vụ việc bà Đỗ Thị L tố cáo Ng về hành vi hiếp dâm và có ý gây thương tích nên bị cáo liền dùng cây búa đánh nhiều cái liên tiếp hướng từ trên xuống vào vùng đỉnh đầu của Nguyễn Văn H1 làm ông H1 tử vong.

Bản án: số 130 ngày 20/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh (23.03.2023)

Bị cáo Nguyễn Quang Đại bị xét xử về tội "Giết người" - phạm tội giết người (điều 123 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Minh H3 Trần Văn Th2. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 08 / 2022/HS-ST ngày 28 / 11 / 2022 của Toà án nhân dân Tỉnh Bình Phước.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Minh H3, Trần Văn Th2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 318; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H mức án 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 318; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Minh H3 mức án 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 318; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Văn Th2 mức án 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Minh H3, Trần Văn Th2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành

4.2. Luật Dân sự:

Bản án: số 303 ngày 26/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Khương Nh và bà Nguyễn Thị Thu S. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 1953/2022/DS-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 263/2023/DSPT ngày 12/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

Thông tin về vụ/việc:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và những người thừa kế của ông Lý Văn D gồm bà Nguyễn Thị T, bà Lý Kim H, bà Lý Thị Kim H, ông Lý Văn H có nghĩa vụ giao trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q căn nhà và diện tích 661,7m² đất thuộc thửa 01 tờ bản đồ 100, tọa lạc tại số 68 đường 30/4, khu phố 1, Phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AP 665914, diện tích 661,7m² đất thuộc thửa 01 tờ bản đồ 100, tọa lạc tại số 68 đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện P (nay là phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Lý Văn D đứng tên ngày 09/12/2009.
- Công nhận cho ông Nguyễn Quý được quyền sử dụng đất diện tích 661,7m² đất tọa lạc tại số 68 đường 30/4, khu phố 1, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và được quyền sở hữu căn nhà gắn trên đất tại số 68 đường 30/4, khu phố 1, Phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Bản án: số 100/2023/DS-PT ngày 08/05/2023 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hồ Ngọc C, bà Lê Thị M và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đối với số tiền bồi thường do mở lỗi đi chung trên phần đất của ông Nguyễn Tân Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ H3 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; ông Hồ Ngọc C, bà Lê Thị M, ông Hồ Ngọc H8 có trách nhiệm chuyển cho TCB để thực hiện thu hồi khoản nợ của ông Nguyễn Tân Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ H3 đang nợ tại Ngân hàng. Bản án sơ thẩm về nội dung liên quan đến kháng cáo này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.
- Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

Bản án: số 64/2023/DS-PT ngày 17/04/2023 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 245/QĐ-VKS-DS, ngày 08-9-2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị.
2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Bá V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 24-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án: số 66/2023/DS-PT ngày 17/04/2023 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản

Thông tin về vụ/việc: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của các Nguyên đơn (gồm bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị L) và kháng cáo của bị đơn (ông Nguyễn Văn T) và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (có chỉnh lý cách tuyên rõ ràng, cụ thể).

Bản án: số 249 ngày 08/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: bà Huỳnh Thị K khởi kiện yêu cầu:

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà với ông Dương Chí Th được UBND xã P1 chứng thực số 23 ngày 19/3/2018.
 - Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00347 ngày 30/3/2018 và CS00348, ngày 10/4/2018.
-

Bản án: số 209 ngày 19/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Kim D trả lại cho ông bà diện tích đất 194,1m² đã chiếm dụng theo các mốc điểm 2, 3, 6, 1 của Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh G lập 12/3/2021

Bản án: số 203 ngày 18/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/6/2011 giữa ông Ph, bà T với ông H tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Đắk Nông (số công chứng 576, quyển số 01 TP/CC-SC.C/HĐGD) vô hiệu; không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; hủy GCNQSDĐ số BU 807362 do UBND thị xã G (cũ) cấp ngày 19/11/2014 cho ông Nguyễn Kế H.

Bản án: số 212 ngày 19/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: nguyên đơn ông Phan Công U, bà Nguyễn Thị Q có bà Phan Thị Xuân H, bà Phan Thị Thu Th, bà Phan Thị Ngọc L, bà Phan Thị Lưu Ph, bà Phan Thị

Ngọc Ng kể thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng khởi kiện buộc Trường Tiểu học H phải trả lại phần đất có diện tích 258m² thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 33 (thửa đất cũ 2154, tờ bản đồ số 4), theo đo đạc thực tế có diện tích 250,1m² thuộc thửa 45a+45b+192a, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã H huyện G, tỉnh Bến Tre và phải di dời toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất nêu trên.

Bản án: số 205 ngày 18/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Chùa B khởi kiện yêu cầu công nhận diện tích đất 2.167,2m² có tọa độ (1, 2, 9,10, 11, 5, 6, 7, 8, 1) thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12 và các công trình có trên đất tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Chùa B.

Bản án: số 191 ngày 14/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Văn Đ, bà Huỳnh Thị H di dời, chặt, phá các trụ xi măng, 06 cây cao su để trả lại cho ông Phạm Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng Ng phần đất diện tích 100,1m² thuộc thửa 34, tờ bản đồ 28, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00835 ngày 14/9/2005 cấp cho cụ Trần Minh M.

Bản án: số 200 ngày 17/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lưu Văn S và bà Sao Nhúc K, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Th. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án: số 190 ngày 14/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị Nh, chị Đường Tố M, chị Đường Mỹ Ph, ông Đường Văn B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Bản án: số 107 ngày 14/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất 27

Thông tin về vụ/việc: nguyên đơn ông Lý Văn Q (Q1) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là anh Lý Thanh M, anh Lý Hoàng Th, anh Lý Quốc Th1, chị Lý Nguyệt Th2, anh Lý Văn L (L1) khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị C và những người có liên quan trả lại quyền sử dụng phần đất có diện tích 12.639,2m² (đã trừ lộ giới và đất bảo lưu ven sông), tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bản án: số 120/2023/DS-PT ngày 17/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: ông H kiện việc đất của ông đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông O lại đến lấn chiếm đất canh tác. Qua các nhân chứng trong vụ việc thì việc ông H đòi lại đất là không có căn cứ do ông O mới là người canh tác ổn định, không tranh chấp đã từ rất lâu về trước.

Bản án: số 116 ngày 16/03/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc:

- Bà Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông V, bà S trả lại diện tích đã lấn chiếm khoảng 630m², trong đó 4m chiều ngang dọc Quốc lộ 14, chiều ngang sau thửa đất là 05m, chiều dài thửa đất 140m;
- Hủy một phần GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 079341 do UBND huyện Đ cấp ngày 24/4/2014 cho ông Thái Đức V, bà Thân Thị Kim S đối với diện tích đất lấn chiếm của gia đình bà Kh.

Bản án: số 03/2023/HNGĐ-PT ngày 18/04/2023 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Loại vụ/việc: Hôn nhân và gia đình

Thông tin về vụ/việc: - Khoản Điều 308; 313 B luật Tố tụng dân sự; - Điều 33, 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 99, 100, 105, 166 của Luật đất đai năm 2013; Điều 208, 213 B luật dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các anh Trần Hữu M, Trần Hữu L, Trần Hữu C. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn D. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2022/HNGĐ-ST ngày 18/10/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án: số 04/2023/HNGĐ-PT ngày 24/04/2023 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc hủy kết hôn trái pháp luật

- Loại vụ/việc: Hôn nhân và gia đình

Thông tin về vụ/việc:

- Căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo liên quan đến khoản nợ chung của ông Lê Phước C, bà Nguyễn Thị L đối với khoản nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh V.

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Phước C. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 43/2022/HNGĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án: số 02/2023/HNGĐ-PT ngày 09/03/2023 tại Đà Nẵng

Quan hệ pháp luật: Vụ án ly hôn về mâu thuẫn gia đình

Loại vụ/việc: Hôn nhân và gia đình

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang B. Anh Lê Quang B được ly hôn với chị Đào Thị T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/9/2012 cho anh Lê Quang B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện tại con chung Lê Thị Kim N đang ở với anh B); chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4.3. Luật Hành chính:**Bản án: số 204/2023/HCPT ngày 29/03/2023 tại Hà Nội**

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc cấp, thu hồi giấy phép về xây dựng cơ bản, sản xuất, kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và

chứng chỉ hành nghề hoặc khiếu kiện QĐ hành chính, hành vi hành chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính của thương nhân

Thông tin về vụ án: Ông Vũ Tấn T khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh về việc “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và hành vi không giải quyết khiếu nại”.

Bản án: số 202/2023/HCPT ngày 29/03/2023 tại Hà Nội

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh về việc “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và hành vi không giải quyết khiếu nại”.

Bản án: số 203/2023/HCPT ngày 29/03/2023 tại Hà Nội

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Ông Nguyễn Văn B khởi kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh về việc “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và hành vi không giải quyết khiếu nại”.

Bản án: số 385 ngày 31/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ xử phạt vi phạm hành chính

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2022/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 ; điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 100; khoản 3 Điều 103 Luật Đất đai 2013; điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ về thi hành một số điều Luật Đất đai; Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử: Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần quyết định hành chính số 7032/QĐ-UBND ngày 24-12-2020 của UBND thành phố Vũng T đối với phần xác định diện tích thu hồi 38,1m² là vị trí 1, đường loại 4.

Bản án: số 350 ngày 23/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND huyện Long Đ tỉnh Bà R – Vũng T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà R - Vũng T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ; Hủy các Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện Long Đ, Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện Long Đ và Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà R – Vũng T. Buộc UBND huyện Long Đ bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất và cấp đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện Long Đ, phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền UBND huyện Long Đ đã nộp tạm ứng theo các biên lai số 0000486 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà R - Vũng T nay chuyển thành tiền án phí phúc thẩm. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 310 ngày 11/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bà Phạm Thị Th khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Công văn số 695/TNMT ngày 03/07/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C về việc có ý kiến liên quan đến hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của bà Phạm Thị Th.
- Hủy Công văn số 2852/UBND-TNMT ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị Th.
- Hủy Quyết định số 1135/QĐ-KPHQ ngày 01/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.
- Hủy Quyết định số 1174/QĐ-CCXP ngày 13/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.
- Hủy Quyết định số 42/QĐ-XPVPHC ngày 22/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc xử phạt vi phạm hành chính. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

Bản án: số 295 ngày 08/05/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: bà Thái Thị Thu C có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa

- Vũng Tàu, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên hủy Quyết định số 1744/QĐ-UBND và Quyết định số 1790/QĐ- UBND cùng ngày 31/12/2019 của UBND huyện C;
- Tuyên hủy Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai;
- Buộc UBND huyện C phải bồi thường về đất theo giá thị trường cho bà Thái Thị Thu C và bố trí tái định cư tại chỗ cho bà C theo quy định của pháp luật đất đai.

Bản án: số 277 ngày 26/04/2023 tại TP Hồ Chí Minh

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ nhà ở, công trình, vật kiến trúc kiên cố khác

Thông tin về vụ án:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 1541/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; - Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân quận H phải lập hồ sơ để bồi thường 90m² đất tại phường Thới A đã bị thu hồi để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường XA.
2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 79/2023/HC-PT ngày 13/03/2023 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Nguyễn Hồng P và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60 /2022/HC- ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án: số 87/2023/QĐ-HCPT ngày 21/03/2023 tại Đà Nẵng

Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư...

Thông tin về vụ án: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của ông Nguyễn C giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 74/2022/QĐST-HC ngày 28/11/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.